

**1.3 KINH PHẬT TỰ THUYẾT**  
*(Udàna: Cảm Hứng Ngữ)*  
**GIỚI THIỆU KINH PHẬT TỰ THUYẾT**  
*(Udàna)*

*Hoà Thượng Thích Minh Châu*

Kinh Udàna, được dịch là Phật tự thuyết kinh, nghĩa là những kinh này đức Phật tự nói, do cảm xúc mạnh đột khởi, không ai thỉnh Phật thuyết. Cũng có khi dịch là "Vô vấn tự thuyết", nghĩa là không có người hỏi đức Phật tự nói. Có khi được dịch là "Những lời cảm hứng", nghĩa là lời nói đột khởi, do cảm xúc mạnh thúc đẩy, khi đức Phật tự mình chứng kiến những sự việc xảy ra xung quanh. Theo tập Upanishads, chữ Udàna có nghĩa là các hơi thở sinh mệnh (pràna, apàna, sumàna, vyàna, udàna), ở trung tâm cổ họng được phát ra.

Tập này gồm tám chương. Mỗi chương có 10 kinh. Như vậy có tám mươi kinh tất cả. Để tiện tìm kiếm, khi viết "I, 2" thời hiểu là chương I, kinh số 2; khi ghi "IV, 7", thời hiểu là chương IV kinh 7 v.v... Mỗi kinh gồm hai phần, phần đầu văn xuôi, ghi nhận một câu chuyện do đức Phật chứng kiến hay do các tỷ kheo kể lại, và phần thứ hai là lời cảm hứng của đức Phật, phần lớn là bằng những bài kệ (gàthà), chỉ có 1, 2 bài kinh Udàna được chép bằng văn xuôi.

Trước hết là một số kinh do liên hệ đến đời sống của đức Phật, như ba kinh đầu, Phẩm Bồ Đề diễn tả đức Phật khi mới thành đạo, ngồi nhập định dưới gốc cây Bồ Đề, suy tưởng đến lý 12 nhân duyên, thuận chiều và nghịch chiều rồi nói lên cảm hứng. (xem I, 1, 2, 3). Kinh II, 1 nói đến tích đức Phật ngồi nhập định gặp mưa to gió lớn, có con rắn Mucalinda quấn thân mình chung quanh đức Phật để che chở cho Ngài. Kinh IV, 5 đề cập đến tích đức Phật bị các vị xuất gia, tại gia, vua chúa đến làm phiền nhiễu nên Ngài bỏ đi vào núi một mình và sống với một con voi, con voi này cũng bị đàn voi quấy rầy nên đến sống một mình với đức Phật. Sự tích khi đức Phật từ bỏ thọ hành và tuyên bố sau ba tháng sẽ nhập Niết bàn được kinh VI, 1 diễn tả. Và cũng được diễn tả là bữa cơm cuối cùng do thợ rèn Cunda cúng dường đức Phật. Sau bữa cơm ấy, đức Phật nhuốm bệnh và không bao lâu đức Phật nhập Niết bàn. Những sự tích trên giúp chúng ta có thêm một số tài liệu về lịch sử đức Phật.

Song song với các sự tích về đời sống đức Phật, tập Udàna nói đến khá nhiều về các đệ tử của đức Phật, như Sàriputta, Moggallàna, Kaccàna, Subbùti, Mahakassapa, Nanda... Mahakassapa bị bệnh tu định luôn 7 ngày để trị bệnh (Kinh III, 7); Nanda ban đầu mê các tiên nữ nên tu hành, sau bị các đồng Phạm hạnh chỉ trích nên tinh tấn tu hành chứng được quả A la hán (III, 2); Sàriputta ngồi nhập định bị quỷ Dạ xoa đánh trên đầu (IV, 4, 7); 500 tỷ kheo do Yasoja cầm đầu làm ồn bị đức Phật đuổi đi, sau tinh tấn tu hành, chứng được quả A la hán (III, 3). Đức Phật khen tôn giả Lakunlaka Bhaddiya trong dung sắc xấu xí nhưng đã chứng quả giải thoát (VII, 5) Tôn giả Dabba Mallaputta nhập định hỏa giới tự thiêu trước chúng Tăng, không để lại tro tàn gì (VIII, 9, 10).

Tiếp đến là các đệ tử tại gia, như nữ cư sĩ Visàkhà hai lần đến yết kiến đức Phật, một lần vì có sự việc cần phải giải quyết với Vua Pasenadi (II, 9), một lần có đứa cháu trai chết nên đến báo cáo đức Phật (VIII, 8). Sự tích 500 cung nữ của Vua Udena, trong ấy có Sànavati bị chết thiêu cũng được đề cập. Vua Pasenadi nước Kosala được nói đến nhiều lần và một lần vua hỏi đức Phật có thể biết được các người tu hành có chứng quả hay không, thời đức Phật trả lời với những người như Vua Pasenadi sống trong đục lạt, khó lòng biết được quả chứng của các nhà tu hành (VI, 2).

Bao giờ cũng vậy, giữa đức Phật và các ngoại đạo cũng có những va chạm, những xung khắc, và các tích này được nghe nhận khá nhiều trong tập Udàna. Trước hết là sự kiện khi Như Lai chưa xuất hiện thời các ngoại đạo được quần chúng cung kính cúng dường, nhưng khi Như Lai xuất hiện, thời sự cung kính cúng dường bị chấm dứt (VI, 9; II, 9). Cũng vì vậy, ngoại đạo thù hằn đức Phật và chúng Tăng, giết kỹ nữ tên Sundarì đem chôn ở Jetavana để vu oan cho chúng Tăng (IV, 8). Và dân chúng ở Thùma do ngoại đạo xúi dục đổ cỏ và rác xuống giếng để ngăn đức Phật không được uống nước (VII, 9).

Thường thường đức Phật dùng một vài hình ảnh châm biếm để nói đến các ngoại đạo. Chúng ta nhớ câu chuyện các người mù sờ voi, diễn tả các ngoại đạo mỗi người chấp chặt chủ thuyết của mình (VI, 4).

Cũng mỉa mai là câu chuyện một du sĩ ngoại đạo, tìm dầu cho vợ mình sắp sinh đẻ, vào kho vua uống quá nhiều dầu để đem về cho vợ, nhưng vì uống quá nhiều dầu nên bị đau đốn, lẫn lộn, khôn khổ (II, 6).

Ngoài ra nhiều vấn đề xã hội, rất bình thường cũng được nói đến. Như đức Phật thấy đứa con nít hành hạ con rắn (II, 3), các dân chúng Vương xá tranh nhau người kỹ nữ (VI, 8), dân Sàvatthi quá đắm say về dục (VII, 3, 4) cũng được đức Phật đề cập và nói lên lời cảm hứng.

Trong 80 kinh của tập Udàna, 80 trường hợp được ghi nhận là đức Phật thốt lên những lời cảm hứng, sau khi cảm thấy xúc động trước một số sự kiện, và chính những lời cảm hứng mới thật là quan trọng trong tập Udàna này. Vì đây là dịp đức Phật nói lên quan điểm của mình đối với những sự việc đã xảy ra

ở xung quanh; và chính những quan điểm ấy đã trở thành những giáo lý chính đức Phật đã giảng dạy và trình bày. Chúng ta đã tìm được những pháp và tùy pháp đức Phật đã thuyết giảng ngay qua các lời cảm hứng ấy.

Trước hết là lý 12 nhân duyên hay lý duyên khởi được trình bày ba lần, trong ba kinh đầu I. 1, 2, 3, thuận chiều, nghịch chiều, thuận chiều và nghịch chiều, từ vô minh duyên hành, hành duyên thức, thức duyên danh sắc cho đến duyên sanh, lão tử, sầu bi khổ ưu não. Quá trình sanh tử của con người, từ quá khứ đến hiện tại, từ hiện tại đến tương lai được khéo cô đọng trong thuyết duyên khởi. Bao giờ cũng vậy, đức Phật nhấn trong đây chuyện sanh tử, hai pháp "dục" và "ái" rất là quan trọng. Và do vậy nhiều lời cảm hứng đề cập đến dục và ái. Trong kinh VII, 4, dân chúng Sàvatthi quá đắm say về dục nên đức Phật đã than :

*"Bị mù bởi các dục,  
Bị lưới dục bao phủ,  
Bị ái dục bao trùm,  
Lại còn bị trói buộc,  
Bởi trói buộc phóng dật,  
Như cá mắc miệng lưới,  
Chúng đi đến già chết,  
Như con bê bú sữa,  
Đi đến với mẹ nó."*

Với ái, có thân yêu là có đau khổ. Khi Visakhà đến than với đức Phật có đứa cháu trai mới chết, đức Phật đã nói : "Những ai có 100 quả thân yêu là có 100 đau khổ; 90 người thân yêu là 90 người đau khổ... cho đến 1 người thân yêu là 1 người đau khổ." (VIII, 8)

*"Sầu than và đau khổ,  
Sai biệt có ở đời,  
Duyên thân ái chúng có,  
Không thân ái chúng không.  
Do vậy, người an lạc,  
Người không có sầu muộn  
Là những ai ở đời,  
Không có người thân ái,  
Do vậy ai tha thiết,  
Được không sầu, không tham,  
Chớ làm thân, làm ái,  
Với một ai ở đời".*

Dục và ái đã có mặt, thời có sanh y, có sự tiếp nối một đời sống, nên có sanh y là có đau khổ :

*"Giữa làng, tại núi rừng,  
Cảm thọ khổ và lạc,  
Chớ quy về tự mình,  
Chớ quy về người khác.  
Các xúc được cảm thọ,  
Là do duyên sanh y.  
Với vị không sanh y,  
Do đâu, xúc cảm thọ?!" (II, 4)*

Khi đức Phật từ bỏ thọ hành (VI, 1) Ngài muốn cắt đứt mọi hành động sanh hữu :

*"Bậc ẩn sĩ từ bỏ,  
Các hành động sanh hữu,  
Sanh hữu có cân lượng,  
Sanh hữu không có cân lượng.  
Ưu thích hướng nội tâm,  
Thật định tĩnh an tịnh,  
Phá đổ ngã sanh hữu,  
Như cởi thoát áo giáp."*

Trong những kinh, đức Phật tán thán các đệ tử tu thiền định vì đó là con đường đưa đến giải thoát.

Trong kinh III, 5, Ngài Mục Kiền Liên ngồi thiền định tu thân hành niệm được đức Phật nói lên cảm hứng :

*"Thân hành niệm an lập,  
Sáu xúc xír chế ngự,  
Tỷ kheo thường thiên định,  
Tự chứng tri Niết bàn."*

Trong kinh III, 4, Ngài Xá Lợi Phất ngồi thiên định, để niệm trước mặt, không xa Thế Tôn bao nhiêu và Thế Tôn nói lên lời cảm hứng :

*"Như ngọn núi bằng đá,  
Không động khéo an trú,  
Cũng vậy vị tỷ kheo,  
Đoạn diệt được ngũ si,  
Như ngọn núi bằng đá,  
Không có bị giao động."*

Ngài Tu Bồ Đề (Sudhùti), tu định không tâm (avitakkam samàdhim) và được Thế Tôn tán thán và nói lời cảm hứng :

*"Với ai tâm quét sạch,  
Nội tâm khéo cắt đứt,  
Không còn chút dư tàn,  
Vượt qua ái nhiễm ấy.  
Đạt được tướng vô sắc,  
Vượt khỏi bốn ách nạn,  
Không đi đến thọ sanh". (Kinh VI, 7)*

Nhưng đức Phật ấy nhận thấy đối với chúng sanh, khó thấy là vô ngã, khó thấy là sự thật. Nên đức Phật thường dạy cho các đệ tử một cái nhìn "vô ngã":

*"Trên dưới, khắp tất cả  
Được giải thoát hoàn toàn,  
Không còn có tùy quán  
"Cái này chính là tôi".  
Giải thoát vậy vượt giòng,  
Trước chưa từng vượt qua,  
Không còn có rơi rớt.  
Vào sanh tử thọ sanh".*

Mục đích cuối cùng của sự tu hành là giải thoát Niết bàn và trong tập Udàna có nhiều kinh và lời cảm hứng đề cập đến trạng thái Niết bàn, một trạng thái khó lấy danh từ để diễn tả.

Bàhiya Darucìriya tu tập, tưởng mình đã chứng quả A la hán nhờ đức Phật dạy cho:

"Vậy này Bàhiya, người cần phải học tập như sau: "Trong cái thấy sẽ chỉ là cái thấy. Trong cái nghe, sẽ chỉ là cái nghe. Trong cái thọ tưởng, sẽ chỉ là cái thọ tưởng. Trong cái thức tri, sẽ chỉ là cái thức tri... Như vậy, này Bàhiya, nhà người cần phải học tập. Vì rằng, này Bàhiya, như với người, trong thấy chỉ là cái thấy, trong cái nghe chỉ là cái nghe, trong cái thọ tưởng sẽ chỉ là cái thọ tưởng, trong cái thức tri sẽ chỉ là cái thức tri. Do vậy, này Bàhiya, người không là chỗ ấy. Vì rằng, này Bàhiya người không là chỗ ấy. Do vậy, này Bàhiya, người không là đời này, không là đời sau, không là đời chặng giữa. Như vậy là đoạn tận khổ đau" (Kinh I, 10).

Đoạn sau đây cũng là đoạn diễn tả Niết bàn trong lời cảm hứng bằng văn xuôi (VIII, 1).

"Này các tỷ kheo, có xứ này (Ayatana), tại đây không có đất, không có nước, không có lửa, không có gió; không có hư không vô biên xứ; không có thức vô biên xứ; không có vô sở hữu xứ; không có phi tướng phi phi tướng xứ, không có đời này; không có đời sau, không có cả hai mặt trăng mặt trời. Do vậy, này các tỷ kheo, Ta tuyên bố không có đến, không có đi, không có trú, không có diệt, không có sanh, không có an trú, không có chuyển vận, không có sở duyên. Đây là sự đoạn tận khổ đau."

Đoạn tiếp cũng diễn tả trạng thái Niết bàn:

"Này các tỷ kheo, có sự không sanh, không hiện hữu, không bị làm, không hữu vi. Này các tỷ kheo, nếu không có cái không sanh, không hiện hữu, không bị làm, không hữu vi, thời ở đây không thể trình bày sự xuất ly khỏi sanh, hiện hữu bị làm, hữu vi. Vì rằng, này các tỷ kheo, có cái không sanh, không hiện hữu, không bị làm, không hữu vi, nên có trình bày sự xuất ly khỏi sự sanh, hiện hữu, bị làm, hữu vi". (VIII, 3)

Đây cũng là lời cảm hứng của Phật về trạng thái Niết bàn giải thoát:

"Cái gì có nương tựa, cái ấy có giao động, cái gì không nương tựa, cái ấy không giao động. Không có giao động thời có khinh an. Có khinh an thời không có thiên về. Không có thiên về, thời không có đến và đi. Không có đến và đi, thời không có diệt và sanh. Không có diệt và sanh, thời không có đời này, không có đời sau, không có đời ở giữa. Đây là sự đoạn diệt khổ đau". (VIII, 4)

Như vậy trong tập Udàna này, ngang qua các câu cảm hứng do đức Phật thuyết lên một số giáo lý căn bản được đề cập một số pháp môn tu hành được đề cao và mục đích tối hậu trong sứ mệnh hoàng pháp của đức Phật cũng được diễn tả đến.

*Hòa Thượng Thích Minh Châu*  
*Thiền Viện Vạn Hạnh*  
*Sài Gòn, 1982 (PL. 2526)*

## **CHƯƠNG MỘT** **PHẨM BỒ ĐỀ** **(I) (Ud 1)**

Như vậy tôi nghe:

Một thời Thế Tôn ở *Uruvelà*, trên bờ sông *Neranjara*, dưới gốc cây Bồ đề, khi mới chứng Chánh Đẳng Giác. Lúc bấy giờ, Thế Tôn trong bảy ngày ngồi trong một thế ngồi kiết-già, thọ hưởng lạc giải thoát. Rồi Thế Tôn sau bảy ngày ấy, ra khỏi định ấy, trong đêm canh thứ nhứt, khéo thuận chiều tác ý lý Duyên khởi: "Do cái này có mặt, cái kia hiện hữu. Do cái này sanh, cái kia sanh. Tức là duyên vô minh, có các hành; duyên các hành, có thức; duyên thức, có danh sắc; duyên danh sắc, có sáu xứ; duyên sáu xứ, có xúc; duyên xúc, có thọ; duyên thọ, có ái; duyên ái, có thủ; duyên thủ, có hữu; duyên hữu, có sanh; duyên sanh, có già, chết, sầu bi khổ ưu não. Như vậy là sự tập khởi của khổ uẩn này".

Rồi Thế Tôn, sau khi hiểu biết ý nghĩa này, trong lúc ấy, nói lên lời cảm hứng này:

*1. Thật sự, khi các pháp,*  
*Có mặt, hiện khởi lên,*  
*Đối vị Bà-la-môn,*  
*Nhiệt tâm hành thiền định,*  
*Khi ấy, với vị ấy,*  
*Các nghi hoặc tiêu trừ,*  
*Vì quán tri hoàn toàn,*  
*Pháp cùng với các nhân.*

### **(II) (Ud 2)**

Như vậy tôi nghe:

Một thời Thế Tôn ở tại *Uruvelà*, trên bờ sông *Neranjara*, dưới gốc cây Bồ-đề, khi mới chứng Chánh Đẳng Giác. Lúc bấy giờ Thế Tôn trong bảy ngày, ngồi trong một thế ngồi kiết-già thọ hưởng lạc giải thoát. Rồi Thế Tôn sau bảy ngày ấy, ra khỏi định ấy, trong đêm canh giữa, khéo nghịch chiều tác ý lý Duyên khởi: "Do cái này không có mặt, cái kia không hiện hữu. Do cái này diệt, cái kia diệt. Tức là, do vô minh diệt nên hành diệt; do hành diệt, nên thức diệt; do thức diệt, nên danh sắc diệt; do danh sắc diệt nên sáu xứ diệt; do sáu xứ diệt nên xúc diệt, do xúc diệt nên thọ diệt, do thọ diệt, nên ái diệt; do ái diệt, nên thủ diệt; do thủ diệt, nên hữu diệt; do hữu diệt, nên sanh diệt; do sanh diệt, nên già, chết, sầu, bi, khổ, ưu não diệt. Như vậy là đoạn diệt của khổ uẩn này".

Rồi Thế Tôn, sau khi hiểu biết ý nghĩa này, ngay trong lúc ấy, nói lên lời cảm hứng này.

*2. Thật sự khi các pháp,*  
*Có mặt, hiện khởi lên,*  
*Đối với vị Bà-la-môn,*  
*Nhiệt tâm, hành thiền định,*  
*Khi ấy, với vị ấy,*  
*Các nghi hoặc tiêu trừ,*  
*Vì đã biết hoàn toàn,*  
*Sự tiêu diệt các duyên.*

### **(III) (Ud 2)**

Như vậy tôi nghe:

Một thời Thế Tôn ở *Uruvelà*, trên bờ sông *Neranjara*, dưới gốc cây Bồ-đề, khi mới chứng Chánh Đẳng Giác. Lúc bấy giờ Thế Tôn trong bảy ngày, ngồi trong một thế ngồi Kiết-già, thọ hưởng lạc giải thoát. Rồi Thế Tôn, sau bảy ngày, ra khỏi định ấy, trong đêm canh cuối cùng, khéo thuận chiều và nghịch chiều tác ý lý duyên khởi: "Do cái này có mặt, cái kia hiện hữu. Do cái này sanh, cái kia sanh. Do cái

này không có mặt, cái kia không hiện hữu. Do cái này diệt, cái kia diệt". Tức là duyên vô minh có các hành. Duyên các hành có thức... Duyên sanh, có già chết, sầu bi khổ ưu não. Như vậy là tập khởi của khổ uẩn này. Do đoạn diệt, ly tham, vô minh không có dư tàn, nên các hành diệt. Do các hành diệt, nên thức diệt... Như vậy là đoạn diệt của khổ uẩn này".

Rồi Thế Tôn sau khi hiểu biết ý nghĩa này, ngay trong lúc ấy, nói lên lời cảm hứng này:

3. *Thật sự khi các pháp  
Có mặt, hiện khởi lên,  
Đối với vị Bà-la-môn,  
Nhiệt tâm hành thiền định,  
Quét sạch các ma quân,  
Vị ấy đứng, an trú,  
Như ánh sáng mặt trời,  
Chói sáng khắp hư không.*

#### (IV) (Ud 3)

Như vậy tôi nghe:

Một thời Thế Tôn trú ở *Uruvelà*, trên bờ sông *Neranjarà*, dưới gốc cây bàng *ajapala*, khi mới chứng Chánh Đẳng Giác. Lúc bấy giờ, Thế Tôn trong bảy ngày ngồi trong một thế ngồi kiết-già, thọ hưởng lạc giải thoát. Rồi Thế Tôn sau bảy ngày ấy ra khỏi định. Có một Bà-la-môn thuộc dòng họ *Huhunka*, đi đến Thế Tôn, sau khi đến, nói lên lời chào hỏi, sau khi nói lời chào hỏi thân hữu, rồi đứng một bên. Đứng một bên, Bà-la-môn ấy nói với Thế Tôn:

- Tôn giả *Gotama*, cho đến như thế nào là Bà-la-môn, và những pháp nào tác thành Bà-la-môn?

Thế Tôn sau khi biết được ý nghĩa này, ngay trong lúc ấy, nói lên lời cảm hứng này:

4. *Vị Bà-la-môn nào,  
Loại trừ các ác pháp,  
Không kiêu, không uế nhiễm,  
Tự ngã khéo chế ngự,  
Vệ-đà được thông đạt,  
Phạm hạnh được viên thành,  
Vị Bà-la-môn ấy,  
Có thể nói lên được,  
Lời Phạm ngữ đúng pháp,  
Vị ấy ở đời này,  
Không hề có mạn tâm  
Bất cứ ở nơi nào.*

#### (V) (Ud 3)

Như vậy tôi nghe:

Một thời Thế Tôn trú ở *Savatthi* (Xá-vệ) tại *Jetavana* (Kỳ-đà-lâm), khu vườn ông *Anàthapindika* (Cấp Cô Độc). Lúc bấy giờ, Tôn giả *Sàriputta* (Xá-lợi-phất), Tôn giả *Mahàmoggallàna* (Đại Mục-kiền-liên) Tôn giả *Mahàkassapa* (Đại Ca-diếp), Tôn giả *Mahàkaccayàna* (Đại Ca-chiên-diên), Tôn giả *Mahàkoththita* (Đại Câu-thi-la), Tôn giả *Mahàkappina* (Đại kiếp-tân-na), Tôn giả *Mahàcunda* (Đại Thuần-đà), Tôn giả *Anuruddha* (A-na-luật-đà), Tôn giả *Revata* (Ly-bà-đà), Tôn giả *Devadatta* (Đề-bàđạt-đà), Tôn giả *Ananda* (A-nan) đi đến Thế Tôn. Thế Tôn thấy các Tôn giả ấy từ xa đi đến, thấy vậy liền nói với các Tỳ-kheo:

- Nay các Tỳ-kheo, các Bà-la-môn này đang đi đến. Nay các Tỳ-kheo, các Bà-la-môn này đang đi đến.

Khi được nói vậy, một Tỳ-kheo, thọ sanh là Bà-la-môn, bạch Thế Tôn:

- Cho đến như thế nào, bạch Thế Tôn, là Bà-la-môn, và có bao nhiêu pháp, tác thành Bà-la-môn?

Rồi Thế Tôn sau khi hiểu biết ý nghĩa này, ngay trong lúc ấy, nói lên lời cảm hứng này:

5. *Sau khi loại ác pháp,  
Ai thường hành chánh niệm,  
Kiết sử đoạn, giác ngộ,  
Những vị ấy ở đời,  
Thật là Bà-la-môn.*

#### (VI) (Ud 4)

Như vậy tôi nghe:

Một thời Thế Tôn trú ở Vương Xá, tại Trúc lâm, chỗ nuôi dưỡng các con sóc. Lúc bấy giờ Tôn giả *Mahakassapa* trú ở hang *Pippali*, đang bị bệnh rất khổ đau, bệnh trầm trọng. Rồi Tôn giả *Mahakassapa*

sau một thời gian, thoát khỏi bệnh ấy. Rồi Tôn giả *Mahākassapa* thoát khỏi bệnh ấy, suy nghĩ như sau: "Ta hãy đi vào Vương Xá để khát thực ". Lúc bấy giờ, khoảng năm trăm Thiên nhân, đang cố gắng sửa soạn để Tôn giả *Mahākassapa* nhận được đồ ăn khát thực. Nhưng Tôn giả *Mahākassapa* gạt bỏ năm trăm Thiên nhân ấy, vào buổi sáng, đắp y, cầm y bát, đi vào Vương Xá để khát thực, đi ngang những con đường những con người nghèo, con đường những người ăn xin, con đường những người thợ dệt. Rồi Thế Tôn sau khi hiểu biết ý nghĩa này, ngay trong lúc ấy, nói lên lời cảm hứng này:

6. *Ai sống không nhờ người,  
Không được người biết đến,  
Sống tự mình chế ngự,  
An trú trên lối cây,  
Các lậu hoặc đã đoạn,  
Sân hận được trừ diệt,  
Vị ấy được Ta gọi,  
Là vị Bà-la-môn.*

**(VII) (Ud 4)**

Như vậy tôi nghe:

Một thời Thế Tôn trú ở *Pātali* tại *Ajakalāpaka*, chỗ ở của Dạ-xoa *Ajakalāpa*. Lúc bấy giờ Thế Tôn đang ngồi ngoài trời, trong đêm tối đen, và trời mưa từng hạt xuống. Rồi Dạ-xoa *Ajakalāpaka* muốn làm cho Thế Tôn sợ hãi, hoảng sợ, lông tóc dựng ngược, đi đến Thế Tôn, sau khi đến, ba lần nói lên gần Thế Tôn tiếng gào thét của mình là *Akkulopakkulo*: "Này Sa môn, có con quý cho Ông ". Thế Tôn sau khi hiểu biết ý nghĩa này, ngay trong lúc ấy nói lên lời cảm hứng này:

7. *Khi nào Bà-la-môn  
Đối với pháp của mình,  
Đã đạt được bờ kia,  
Vị ấy vượt qua được,  
Ác quỷ yêu ma này.*

**(VIII) (Ud 5)**

Như vậy tôi nghe:

Một thời Thế Tôn trú ở *Sāvattthi*, tại *Jetavana*, khu vườn ông *Anāthapindika*. Lúc bấy giờ Tôn giả *Sangamāji* đã đi đến *Sāvattthi* để yết kiến Thế Tôn. Người vợ trước kia của Tôn giả *Sangamāji* nghe được tin Tôn giả *Sangamāji* đã đến *Sāvattthi*. Nàng liền dắt người con đi đến *Jetavana*. Lúc bấy giờ Tôn giả *Sangamāji* đang ngồi dưới gốc cây để nghỉ ban ngày. Rồi người vợ trước đây của Tôn giả *Sangamāji*, đi đến Tôn giả *Sangamāji*, sau khi đến, nói lên với Tôn giả *Sangamāji*:

- Này Sa môn, hãy nuôi dưỡng tôi và đưa con nhỏ!

Khi nghe nói vậy, Tôn giả *Sangamāji*, giữ im lặng. Lần thứ hai, người vợ trước kia của Tôn giả *Sangamāji* nói với Tôn giả *Sangamāji*:

- Này Sa-môn, hãy nuôi dưỡng tôi và đưa con nhỏ!

Lần thứ hai, Tôn giả *Sangamāji* giữ im lặng. Lần thứ ba người vợ trước kia của Tôn giả *Sangamāji* nói với Tôn giả *Sangamāji*:

- Này Sa-môn, hãy nuôi dưỡng tôi và đưa con nhỏ!

Lần thứ ba, Tôn giả *Sangamāji* vẫn giữ im lặng. Rồi người vợ trước kia của Tôn giả *Sangamāji* đặt đứa nhỏ trước mặt Tôn giả *Sangamāji* rồi bỏ đi, nói rằng:

- Này Sa-môn, đây là đứa con trai của Sa-môn. Hãy nuôi dưỡng nó!

Tôn giả *Sangamāji* không có ngó đến đứa nhỏ ấy, cũng không nói gì. Rồi người vợ trước kia của Tôn giả *Sangamāji* sau khi đi không xa, ngó lui lại thấy Tôn giả *Sangamāji* không ngó đứa con nhỏ ấy, cũng không nói; thấy vậy liền suy nghĩ: "Sa môn này không muốn ngó đến người con ". Nàng liền trở lui lại, bồng lấy đứa con rồi ra đi. Thế Tôn với Thiên nhân thanh tịnh siêu nhân, thấy cử chỉ thô bạo như vậy của người vợ trước kia của Tôn giả *Sangamāji*.

Rồi Thế Tôn sau khi hiểu biết được ý nghĩa này, ngay trong lúc ấy, nói lên lời cảm hứng này:

8. *Không hoan hỷ, nàng đến,  
Không sầu muộn, nàng đi,  
Giải thoát khỏi ái phược,  
Là Sangamāji  
Ta gọi người như vậy,  
Là vị Bà-la-môn.*

**(IX) (Ud 6)**

Như vậy tôi nghe:

Một thời Thế Tôn trú ở *Gayà*, tại *Gayasisa*. Lúc bấy giờ, nhiều kẻ bện tóc, trong những đêm gió lạnh mùa đông, giữa những ngày mỏng tám, trong thời tuyết rơi, đang lặn xuống và nổi lên trong nước, làm việc lặn xuống nổi lên, tưới nước và tế lửa, nghĩ rằng: "Với hành động này, được thanh tịnh".

Thế Tôn thấy nhiều kẻ bện tóc ấy, trong những đêm gió lạnh mùa đông, giữa những ngày mỏng tám, trong thời tuyết rơi, đang lặn xuống và nổi lên trong nước, làm việc lặn xuống nổi lên, tưới nước và tế lửa, nghĩ rằng: "Với hành động này, được thanh tịnh".

Thế Tôn sau khi hiểu biết ý nghĩa này, ngay trong lúc ấy, nói lên lời cảm hứng này:

9. Thanh tịnh không có nước,

Ở đây nhiều người tắm,

Trong ai có chân thật,

Lại thêm có Chánh pháp,

Người ấy là Thanh tịnh,

Người ấy là Phạm chí.

(X) (Ud 6)

Như vậy tôi nghe:

Một thời Thế Tôn trú ở *Sàvatthi*, tại *Jetavana*, ngôi vườn ông *Anàthapindika*. Lúc bấy giờ, *Bàhiya Daruciriya* trú ở *Suppàraka*, trên bờ biển, được cung kính, tôn trọng đánh lễ, cúng dường và nhận được y, đồ ăn khát thực, sàng tọa, được phẩm trị bệnh. Rồi *Bàhiya Dàruciriya* khởi lên tư tưởng như sau:

"Với ai là bậc A-la-hán hay đang đi trên con đường A-la-hán, ta là một trong những vị ấy". Rồi một

Thiên nhân, trước là bà con huyết thống với *Bàhiya Dàruciriya*, vì lòng từ mẫn, vì muốn lợi ích, với tâm của mình biết tâm tư của *Bàhiya Dàruciriya*, đi đến *Bàhiya Dàruciriya* và nói như sau:

- Nay *Bàhiya*. Ông không phải là A-la-hán hay đang đi trên con đường A-la-hán. Ông không có đạo lộ ấy, với đạo lộ này Ông có thể trở thành A-la-hán hay đang đi trên con đường đưa đến A-la-hán.

- Nhưng ai là những vị, trong thế giới này, với thế giới chư Thiên là những vị A-la-hán hay đang đi trên con đường A-la-hán?

- Nay *Bàhiya*, có thành phố tên là *Sàvatthi* trên những quốc lộ phương Bắc. Tại đây có Thế Tôn hiện đang trú, bậc A-la-hán. Chánh Đẳng Giác. Vị ấy là bậc A-la-hán và thuyết pháp đưa đến quả A-la-hán.

Rồi *Bàhiya Dàruciriya*, được Thiên nhân ấy thúc dục, đi ra khỏi *Sappàraka*, trong suốt đường trường, chỉ nghỉ một đêm, đi đến chỗ Thế Tôn đang trú ở *Sàvatthi*, tại *Jetavana*, trong khu vườn *Anàthapindika*.

Lúc bấy giờ nhiều Tỷ-kheo đang đi kinh hành giữa trời. *Bàhiya Dàruciriya* đi đến các Tỷ-kheo ấy, sau khi đến nói như sau:

- Thưa các Tôn giả, nay Thế Tôn, bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác ở đâu? Chúng tôi muốn được yết kiến Thế Tôn, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác.

- Nay *Bàhiya*, Thế Tôn đã đi vào giữa các nhà để khát thực.

Rồi *Bàhiya Dàruciriya* mau chóng ra khỏi *Jetavana*, đi vào *Sàvatthi*, và thấy Thế Tôn đang đi khát thực, khả ái, khởi lên tịnh tin, các căn an tịnh, tâm ý an tịnh, đạt được an chỉ, chế ngự tối thượng, giống như một con voi được điều phục, phòng hộ với các căn an tịnh. Thấy vậy, *Bàhiya Dàruciriya* liền đi đến Thế Tôn, sau khi đến, cúi đầu xuống chân Thế Tôn và bạch Thế Tôn:

- Bạch Thế Tôn, Thế Tôn hãy thuyết pháp cho con, Thiện Thệ hãy thuyết pháp cho con, nhờ vậy con có thể được hạnh phúc an lạc lâu dài.

Khi được nói vậy, Thế Tôn nói với *Bàhiya Dàruciriya*:

- Không phải thời, nay *Bàhiya*, Ta đang khát thực.

Lần thứ hai *Bàhiya Dàruciriya* Bạch Thế Tôn:

- Thật khó biết, bạch Thế Tôn, là chướng ngại cho mạng sống của Thế Tôn, hay chướng ngại cho mạng sống của con. Bạch Thế Tôn, Thế Tôn hãy thuyết pháp cho con. Thiện Thệ hãy thuyết pháp cho con, nhờ vậy con có thể được hạnh phúc an lạc lâu dài.

Lần thứ hai, Thế Tôn nói với *Màhiya Dàruciriya*:

- Không phải thời, nay *Bàhiya*, Ta đang khát thực.

Lần thứ ba, *Bàhiya Dàruciriya* bạch Thế Tôn:

- Thật khó biết... hạnh phúc lâu dài.

- Vậy nay *Bàhiya*, Ông cần phải học tập như sau: "Trong cái thấy, sẽ chỉ là cái thấy. Trong cái nghe, sẽ chỉ là cái nghe. Trong cái thọ tưởng, sẽ chỉ là cái thọ tưởng. Trong cái thức tri, sẽ chỉ là các thức tri".

Như vậy, nay *Bàhiya*, Ông cần phải học tập. Vì rằng, nay *Bàhiya*, nếu với Ông, trong cái thấy, sẽ chỉ là cái thấy; trong cái nghe, sẽ chỉ là cái nghe; trong cái thọ tưởng, sẽ chỉ là cái thọ tưởng; trong cái thức tri,

sẽ chỉ là cái thức tri. Do vậy, này *Bàhiva*, ông không là chỗ ấy. Vì rằng, này *Bàhiya*, Ông không là đời này, không là đời sau, không là đời chặng giữa. Như vậy là đoạn tận khổ đau.

Nhờ lời thuyết pháp tóm tắt này của Thế Tôn, tâm của *Bàhiya Dàruciriya* được giải thoát khỏi các lậu hoặc, không có chấp thủ. Thế Tôn sau khi thuyết cho *Bàhiya Dàruciriya* lời giáo giới tóm tắt này, liền ra đi. Thế Tôn ra đi không bao lâu, một con bò con húc chết *Bàhiya Dàruciriya*. Thế Tôn sau khi khát thực ở Sàvatthi xong, sau buổi ăn, trên con đường đi khát thực trở về, đi ra khỏi thành với nhiều Tỷ-kheo, thấy *Bàhiya Dàruciriya* bị chết, thấy vậy liền nói với các Tỷ-kheo:

- Này các Tỷ-kheo, hãy lấy thân xác *Bàhiya Dàruciriya*, đặt lên trên cái chõng, đem đi hỏa thiêu, rồi xây tháp lên trên. Này các Tỷ-kheo, một vị đồng Phạm hạnh với các Thầy đã qua đời!

- Thừa vâng, bạch Thế Tôn.

Các vị Tỷ-kheo ấy vâng đáp Thế Tôn, sau khi đặt xác thân của *Bàhiya Dàruciriya* lên trên cái chõng, đem đi hỏa thiêu, xây dựng cái tháp cho vị ấy, rồi đi đến Thế Tôn, sau khi đến, đảnh lễ Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên, các Tỷ-kheo ấy bạch Thế Tôn:

- Bạch Thế Tôn, thân xác của *Bàhiya Dàruciriya* đã được hỏa thiêu, tháp đã được xây dựng xong cho vị ấy. Sanh thứ cho vị ấy là gì? Đời sau vị ấy là gì?

- Này các Tỷ-kheo, Hiền trí là *Bàhiya Dàruciriya* đã hành trì tùy pháp, đúng pháp và không có phiền nhiễu Ta với những tranh luận về pháp. Này các Tỷ-kheo, *Bàhiya Dàruciriya* đã nhập Niết Bàn.

Rồi Thế Tôn sau khi hiểu biết ý nghĩa này, ngay trong lúc ấy, nói lên lời cảm hứng này:

*10. Chỗ nào nước và đất,  
Lửa, gió không chấp trước,  
Tại đây sao không chói,  
Mặt trời không chiếu sáng,  
Tại đây trăng không chiếu,  
Tại đây u ám không,  
Khi ẩn sĩ Phạm chí,  
Tự mình với trí tuệ,  
Thế nhập vào Chánh pháp,  
Vị ấy được giải thoát  
Khỏi sắc và vô sắc,  
Khỏi an lạc, đau khổ.*

Lời cảm hứng này được Thế Tôn thuyết giảng và tôi được nghe như vậy.